TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2022/TLHNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn T. Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 123, tổ 2, Ấp T, xã C, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị K.T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 123, tổ 2, Ấp T, xã C, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn anh Nguyễn T. Đ trình bày*: Anh và chị Nguyễn Thị K.T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn T.P, sinh ngày 22-7-2008 và Nguyễn T.L, sinh ngày 31-5-2014, hiện Chị T đang nuôi. Tài sản chung và nợ chung, không có.

Vợ chồng chung sống rất hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do cả hai tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm không thể dung hòa được, hơn nữa trong thời gian không đi làm Chị T thường xuyên đi chơi cùng bạn bè mà không quan tâm chăm sóc gia đình, anh khuyên nhủ nhiều lần nhưng Chị T vẫn không thay đổi từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Trong thời gian sống ly thân cả hai không gặp nhau bàn bạc việc đoàn tụ. Anh nhận thấy tình cãm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó anh yêu cầu được ly hôn với Chị T.

Về con chung: Anh đồng ý cho Chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con. Anh không cấp dưỡng nuôi con, khi nào đến thăm có tiền bao nhiêu thì anh phụ nuôi con bấy nhiêu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Do bận đi làm nên anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị K.T trình bày*: Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Chị T vẫn vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 07-01-2023 chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn Chị T không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ; Con chung, giao cho Chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn T.P, sinh ngày 22-7-2008 và Nguyễn T.L, sinh ngày 31-5-2014, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị T không yêu cầu; Tài sản và nợ chung, anh Đ và Chị T khai không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị K.T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do và anh Nguyễn T. Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn T. Đ và chị Nguyễn Thị K.T kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thì thấy rằng: Anh chị chung sống vào năm 2007, đến năm 2020 anh chị không còn hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, Chị T không quan tâm chăm sóc cho gia đình, trong thời gian sống ly thân anh chị mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai và anh Đ, Chị T cũng không gặp nhau bàn bạc việc đoàn tụ, hơn nữa Chị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vẫn vắng mặt chứng tỏ chị T không có thiện chí hàn gắn gia đình và tại bản tự khai ngày 07-01-2023 chị đồng ý ly hôn. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa anh Đ và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn T.P, sinh ngày 22-7-2008 và Nguyễn T.L, sinh ngày 31-5-2014, anh Đ đồng ý. Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân Chị T và mẹ ruột Chị T là bà Võ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc tốt, đã ổn định và cháu P và L nguyện vọng được sống với chị T nên Hội đồng xét xử cần giao cháu P và cháu L cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ và chị T khai không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn T. Đ với chị Nguyễn Thị K.T. Anh Đ được ly hôn với anh Chị T.

2. Về con chung: Giao cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn T.P, sinh ngày 22-7-2008 và cháu Nguyễn T.L, sinh ngày 31-5-2014. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị T không yêu cầu.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ và chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0022900 ngày 28-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Ghi nhận anh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã C, h. Bến Cầu (2007);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui